

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán:

ông Trần Quốc Cường
ông Phạm Ngọc Thái

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 307/TBTL-TA ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm: 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

- Bi đơn: Ông Nguyễn Hữu X, sinh năm: 1939 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1945 (Vắng mặt).

Trú tại: P, Hòa Xuân Đ, Đ, Phú Yên.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố P, Hòa Hiệp T1, Đ, Phú Yên.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Trú tại: T, H, TX Đ, Phú Yên.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố C, P, T, Phú Yên.

5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Trú tại: A A ave, E, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của bà C, H, L, Như, L1, T2 có ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1965, địa chỉ: Khu phố P, phường H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (đại diện được ủy quyền - các văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021, ngày 23/6/2023) (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1947 (Vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố P, Hòa Hiệp T1, Đ, Phú Yên.

9. Huỳnh Thị T4, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố P, Hòa Hiệp T1, Đ, Phú Yên.

10. Ủy ban nhân dân thị xã Đ (Vắng mặt).

11. Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Hữu X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T4, bà Nguyễn Thị Kim L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu V trình bày: cha của Ông là cụ Nguyễn Hữu Q1 (chết 1993), mẹ của Ông là cụ Trần Thị T5 (chết 2008) có 10 người con gồm: Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Hữu X và Nguyễn Hữu V. Lúc sinh thời cha mẹ có tạo lập được khối tài sản tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên gồm: 01 căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất khoảng 900m², 01 đám rẫy thanh minh diện tích khoảng 600m². Sau khi cha chết mẹ quản lý phần tài sản này, ngày 25/6/2004 mẹ và các con đã lập biên bản họp gia đình phân chia tài sản phần ông Nguyễn Hữu X nhận nhà cấp 4 (phần nhà lớn có diện tích 5x7m), ông Nguyễn Hữu Q nhận nhà cấp 4 (phần nhà dưới 5x6m), phần ông V nhận 600m² đất rẫy thanh minh, tuy nhiên thực tế ông V không có nhận sử dụng mà đất này dùng để chôn người mất trong gia đình và bà Nguyễn Thị H nhận trồng cây trên đất này hơn 30 năm. Đối với phần đất trống còn lại

chưa xây nhà diện tích 7x32m chưa chia cho ai để cho mẹ dưỡng già; tuy nhiên sau khi mẹ chết ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 (vợ ông X) làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 035624 ngày 31/10/2013 đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 20 diện tích 917,4m² bao gồm cả phần đất chưa chia (7x32)m. Nay ông Nguyễn Hữu V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 188,5m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đ đã cấp cho ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4. Ông xin nhận hiện vật để xây dựng nhà thờ cúng ông bà và có trách nhiệm bồi giá trị bằng tiền cho ông X, ông Q theo giá trị kỷ phần thừa kế họ được nhận. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu X trình bày: Ông thống nhất ý kiến của nguyên đơn ông V về quan hệ huyết thống và tài sản cha mẹ tạo lập. Năm 1993 cha Nguyễn Hữu Q1 chết, ngày 25/6/2004 mẹ Trần Thị T5 và các anh chị em trong gia đình có họp thống giao phân chia tài sản như sau: giao cho ông (X) ngôi nhà trên ở cùng với mẹ, ông Q2 nhà dưới, ông V đất rẫy, còn lại phần đất trồng ở bên cạnh nhà trên diện tích (7x42)m nhưng phải để lối đường đi vào nhà bề ngang 1,5m thì còn lại diện tích là (5,5x42m), mẹ có bảo ông phải có trách nhiệm nuôi dưỡng mẹ, lo hậu sự cho mẹ sau khi chết thì được nhận sử dụng diện tích đất này và cũng được sự đồng ý của tất cả anh chị em trong gia đình. Năm 2008 sau khi mẹ chết ông cũng đã thực hiện đúng theo điều kiện của mẹ yêu cầu nên diện tích đất hiện ông V đang yêu cầu chia thừa kế thuộc quyền sử dụng của ông chứ không phải là tài sản của mẹ để lại và đất này ông đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị L có người đại diện được ủy quyền ông Nguyễn Hữu V trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu V, đồng ý giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Hữu V để ông V nhận có trách nhiệm xây nhà thờ cúng ông bà và không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

+ Bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu V và đồng ý giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Hữu V để ông V nhận có trách nhiệm xây nhà thờ cúng ông bà.

+ Ông Nguyễn Hữu Q trình bày: Ông không đồng ý chia di sản thừa kế theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà để diện tích đất còn lại đó để sử dụng chung. Đối với việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 ông đồng ý.

+ Bà Huỳnh Thị T4 trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn.

+ U, UBND phường H không có ý kiến trình bày.

Nội dung vụ án như trên, **Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 và Quyết định số 374/QĐ-SCBSBA ngày 22/9/2023 sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu V về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Q1, cụ Nguyễn Thị T6 đối với diện tích đất 188,50m² đất hàng năm khác (có 67,6 m² đất hành lang giao thông) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 20 diện tích 917,4 m² tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có giới cận: Đông giáp đất còn lại của thửa 78, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất còn lại của thửa 78, Bắc giáp Nguyễn Văn T7.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Nguyễn Hữu Q1, cụ Nguyễn Thị T6 như sau:

Giao diện tích đất 188,50m² đất hàng năm khác (có 67,6m² đất hành lang giao thông) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 20 diện tích 917,4m² tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có giới cận: Đông giáp đất còn lại của thửa 78, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất còn lại của thửa 78, Bắc giáp Nguyễn Văn T7 cho ông Nguyễn Hữu V quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Hữu V không được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Kim L2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2 giao kỷ phần thừa kế mỗi người được hưởng là 1.612.530đ (Một triệu, sáu trăm mười hai ngàn, năm trăm ba mươi đồng) cho ông Nguyễn Hữu V sở hữu.

Ông Nguyễn Hữu V có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Hữu X, Nguyễn Hữu Q mỗi người số tiền 1.612.530đ (Một triệu, sáu trăm mười hai ngàn, năm trăm ba mươi đồng) và trả công sức tôn tạo, bảo quản di sản cho ông Nguyễn Hữu X số tiền 848.250đ (Tám trăm bốn mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

Giao cho ông Nguyễn Hữu V được quyền sở hữu 13 (Mười ba) cây chuối có buồng, 08 (Tám) cây chuối chưa buồng, 1 (Một) cây dừa cho quả, 02 (Hai) cây ổi, 1 (Một) cây nhãn cho quả, 1 (Một) cây hoa mai, 2 (Hai) cây trâm có tổng trị giá 3.925.000đ (Ba triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) và tường rào lưới B40 cao 1,8m, dài 5,58m, cổng sắt, trụ cổng giá trị 4.692.816đ (Bốn triệu, sáu trăm chín mươi hai ngàn, tám trăm mười sáu đồng). Ông Nguyễn Hữu V có trách nhiệm trả giá trị các cây trồng, tài sản xây dựng trên đất cho ông Nguyễn Hữu X tổng số tiền 8.617.816đ (Tám triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, tám trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu Cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án .

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 035624, số vào sổ cấp GCN CH 01770, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 20, diện tích 917,4m² tại khu phố P, phường H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là Thị xã Đ) cấp ngày 31/10/2013 cho ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất được quyền quản lý, sử dụng theo qui định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; Chi phí ủy thác tư pháp; Án phí; Quy định về thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: trong các ngày 19, 21 và 23/8/2023, ông Nguyễn Hữu X (Bị đơn), bà Huỳnh Thị T4 (Người liên quan) kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để giải quyết lại vụ án; ngày 23/8/2023, bà Nguyễn Thị Kim L2 (Người liên quan) kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án và được nhận phần thừa kế bằng hiện vật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X (Bị đơn), bà Huỳnh Thị T4 (Người liên quan) đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để giải quyết lại vụ án và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L2 (Người liên quan) đề nghị xét xử lại vụ án và được nhận phần thừa kế bằng hiện vật thì thấy:

[1]. Về Di sản thừa kế: Những người thừa kế của cụ Q1 và cụ T6 cũng thừa nhận cha mẹ tạo lập được khối tài sản tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên gồm: 01 căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất khoảng 900m² (nay là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 20 diện tích 917,4m²); 01 đám rẫy thanh minh diện

tích khoảng 600m². Sau khi cha chết, mẹ quản lý phần tài sản này. Ngày 25/6/2004, mẹ và các con đã lập Biên bản họp gia đình phân chia tài sản, phần ông Nguyễn Hữu X nhận nhà cấp 4 (phần nhà lớn có diện tích 5x7m), ông Nguyễn Hữu Q nhận nhà cấp 4 (phần nhà dưới 5x6m), phần ông V nhận 600m² đất rẫy thanh minh, thực tế ông V không nhận sử dụng mà phần đất này dùng để chôn người mất trong gia đình và bà Nguyễn Thị H nhận trồng cây trên đất này hơn 30 năm. Đối với phần đất trống còn lại chưa xây nhà diện tích 7x32m, chưa chia cho ai để cho mẹ dưỡng già.

[2]. Sau khi cụ T6 chết, ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 (vợ ông X) đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 78. Ngày 31/10/2013, UBND huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 035624 đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 20 diện tích 917,4m² bao gồm cả phần đất chưa chia (7x32)m. Sau khi được cấp Giấy CNQSD đất, ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 đã tặng cho anh Nguyễn Hữu T toàn bộ thửa đất. Ngày 24/12/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã đăng ký biến động cho anh Nguyễn Hữu T (bl 247 -248). Như vậy, thửa đất được xác định Di sản thừa kế đã thuộc quyền sử dụng của anh T từ năm 2018 nhưng khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để xem xét việc tặng cho tài sản giữa ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 với anh Nguyễn Hữu T là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Bản án sơ thẩm quyết định: “Giao diện tích đất 188,50m² đất hàng năm khác (có 67,6 m² đất hành lang giao thông) thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 20 diện tích 917,4m² tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có giới cận: Đông giáp đất còn lại của thửa 78, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất còn lại của thửa 78, Bắc giáp Nguyễn Văn T7 cho ông Nguyễn Hữu V quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Hữu V không được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)”. Bản án sơ thẩm cũng Quyết định: “Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất được quyền quản lý, sử dụng theo qui định pháp luật”. Các Bản án phát hành và Bản án gốc đều không có sơ đồ bản vẽ kèm theo như quyết định của Bản án sơ thẩm nên không thi hành Bản án được.

[4]. Từ những phân tích trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu V về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Q1, cụ Nguyễn Thị T6 đối với diện tích đất 188,50m² trong thửa đất số 78, tờ bản đồ số 20 có diện tích 917,4m² mặc dù toàn bộ thửa đất đã thuộc quyền sử dụng của anh Nguyễn Hữu T từ năm 2018 nhưng không đưa anh T vào tham gia tố tụng trong vụ án là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm không có sơ đồ bản vẽ kèm theo như Quyết định của Bản án. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu X, những người liên quan bà Huỳnh Thị T4 và bà Nguyễn Thị Kim

L2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 và bà Nguyễn Thị Kim L2 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 và bà Nguyễn Thị Kim L2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để giải quyết lại vụ án.

[5]. Án phí phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 và bà Nguyễn Thị Kim L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu X, bà Huỳnh Thị T4 và bà Nguyễn Thị Kim L2 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu số: 0003590, 0003591 và 0003589 cùng ngày 22/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến